

**BỘ TÀI CHÍNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số 13/2010/TT-BTC

*Hà Nội, ngày 26 tháng 01 năm 2010*

## **THÔNG TƯ**

**Hướng dẫn thực hiện mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đối với một số mặt hàng thuộc nhóm 2710 tại Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi**

Căn cứ Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 45/2005/QH11 ngày 14/6/2005;

Căn cứ Nghị quyết số 295/2007/NQ-UBTVQH12 ngày 28/9/2007 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc ban hành Biểu thuế xuất khẩu theo danh mục nhóm hàng chịu thuế và khung thuế suất đối với từng nhóm hàng, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi theo danh mục nhóm hàng chịu thuế và khung thuế suất ưu đãi đối với từng nhóm hàng;

Căn cứ Nghị định số 149/2005/NĐ-CP ngày 08/12/2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu;

Căn cứ Nghị định số 84/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu;

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27/11/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Trên cơ sở công văn số 837/BTC-CST ngày 19/1/2010 của Bộ Tài chính, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đối với một số mặt hàng thuộc nhóm 2710 tại Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi như sau:

### **Điều 1. Mức thuế suất**

Điều chỉnh mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đối với một số mặt hàng xăng, dầu thuộc nhóm 2710 quy định tại Danh mục mức thuế suất của Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi theo Danh mục mặt hàng chịu thuế ban hành kèm theo Thông tư số 216/2009/TT-BTC ngày 12/11/2009 của Bộ Tài chính thành mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi mới quy định tại Danh mục ban hành kèm theo Thông tư này.

### **Điều 2. Hiệu lực thi hành**

Thông tư này có hiệu lực thi hành và áp dụng đối với các Tờ khai hải quan hàng hoá nhập khẩu đăng ký với cơ quan Hải quan kể từ ngày 01/2/2010.

**Nơi nhận:**

- Thủ tướng và các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Viện kiểm sát NDTC, Tòa án NDTC;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- VP BCE TƯ về phòng, chống tham nhũng;
- Cục kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Tài chính;
- Cục Hải quan tỉnh, thành phố;
- Công báo;
- Website Chính phủ và Website Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, Vụ CST (XNK).

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



**Đỗ Hoàng Anh Tuấn**



**DANH MỤC THUẾ SUẤT THUẾ NHẬP KHẨU ƯU ĐÃI ĐỐI VỚI MỘT SỐ  
MẶT HÀNG THUỘC NHÓM 2710**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2010/TT-BTC ngày 26/01/2010 của Bộ Tài chính)*

Mã hàng				Mô tả hàng hoá	Thuế suất (%)
27.10				<b>Dầu có nguồn gốc từ dầu mỏ và các loại dầu thu được từ các khoáng bi tum, trừ dầu thô; các chế phẩm chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác có chứa từ 70% khối lượng trở lên là dầu có nguồn gốc từ dầu mỏ hoặc các loại dầu thu được từ các khoáng bi tum, những loại dầu này là thành phần cơ bản của các chế phẩm đó; dầu thải.</b>	
				- Dầu có nguồn gốc từ dầu mỏ và các loại dầu thu được từ các khoáng bi tum (trừ dầu thô) và các chế phẩm chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác, có chứa từ 70% khối lượng trở lên là dầu có nguồn gốc từ dầu mỏ hoặc các loại dầu thu được từ các khoáng bi tum này là thành phần cơ bản của các chế phẩm đó, trừ dầu thải:	
2710	11			-- Dầu nhẹ và các chế phẩm: --- Xăng động cơ:	
2710	11	11	00	---- Có pha chì, loại cao cấp	20
2710	11	12	00	---- Không pha chì, loại cao cấp	20
2710	11	13	00	---- Có pha chì, loại thông dụng	20
2710	11	14	00	---- Không pha chì, loại thông dụng	20
2710	11	15	00	---- Loại khác, có pha chì	20
2710	11	16	00	---- Loại khác, không pha chì	20
2710	11	20	00	--- Xăng máy bay	20
2710	11	30	00	--- Tetrapropylene	20
2710	11	40	00	--- Dung môi trắng (white spirit)	20
2710	11	50	00	--- Dung môi có hàm lượng cấu tử thơm thấp dưới 1%	20
2710	11	60	00	--- Dung môi khác	20
2710	11	70	00	--- Naphtha, reformat và các chế phẩm khác để pha chế xăng	20
2710	11	90	00	--- Loại khác	20
2710	19			-- Loại khác: --- Dầu trung (có khoảng sôi trung bình) và các chế phẩm:	
2710	19	13	00	---- Nhiên liệu động cơ tuốc bin dùng cho hàng không (nhiên liệu phân lực) có độ chớp cháy từ 23°C trở lên	20
2710	19	14	00	---- Nhiên liệu động cơ tuốc bin dùng cho hàng không (nhiên liệu phân lực) có độ chớp cháy dưới 23°C	20
<b>2710</b>	<b>19</b>	<b>16</b>	<b>00</b>	---- <b>Kerosene</b>	<b>20</b>
2710	19	19	00	---- Loại khác	15

Mã hàng				Mô tả hàng hoá	Thuế suất (%)
2710	19	20	00	---- Dầu thô đã tách phần nhẹ	5
2710	19	30	00	---- Nguyên liệu để sản xuất than đen	5
				--- Dầu và mỡ bôi trơn:	
2710	19	41	00	---- Dầu khoáng sản xuất dầu bôi trơn	5
2710	19	42	00	---- Dầu bôi trơn cho động cơ máy bay	5
2710	19	43	00	---- Dầu bôi trơn khác	10
2710	19	44	00	---- Mỡ bôi trơn	5
2710	19	50	00	--- Dầu dùng trong bộ hãm thủy lực (dầu phanh)	3
2710	19	60	00	--- Dầu biến thế và dầu dùng cho bộ phận ngắt mạch	5
				--- Dầu nhiên liệu:	
<b>2710</b>	<b>19</b>	<b>71</b>	<b>00</b>	<b>---- Nhiên liệu diesel dùng cho động cơ tốc độ cao</b>	<b>15</b>
<b>2710</b>	<b>19</b>	<b>72</b>	<b>00</b>	<b>---- Nhiên liệu diesel khác</b>	<b>15</b>
<b>2710</b>	<b>19</b>	<b>79</b>	<b>00</b>	<b>---- Nhiên liệu đốt khác</b>	<b>15</b>
2710	19	90		--- Loại khác	
2710	19	90	10	---- Chất chống dính sản xuất phân bón DAP	1
2710	19	90	90	---- Loại khác	5
				- Dầu thải:	
2710	91	00	00	-- Chứa biphenyl đã polyclo hóa (PCBs), terphenyl đã polyclo hóa (PCTs) hoặc biphenyl đã polybrom hóa (PBBs)	20
2710	99	00	00	-- Loại khác	20